

NGHIÊN CỨU VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP CHỈ SỐ TRONG BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Apply the Index Insurance Method for Vietnam Agricultural Insurance

Nguyễn Tuấn Sơn

Khoa Kinh tế & Phát triển nông thôn, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

TÓM TẮT

Nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế của các nước đang phát triển. Tuy nhiên, do điều kiện khí hậu bất thuận nên nông dân gặp nhiều trở ngại và rủi ro trong sản xuất. Nhiều khi những rủi ro do thiên nhiên mang lại chính là nguyên nhân của vòng xoáy đói nghèo. Để giúp nông dân vượt qua những khó khăn và rủi ro trong sản xuất, bảo hiểm nông nghiệp đóng vai trò vô cùng quan trọng. Tuy nhiên, do chi phí giao dịch cao của việc bán bảo hiểm và đánh giá tổn thất, do rủi ro về đạo đức và lựa chọn đối nghịch của người mua bảo hiểm và do sự liên kết của các thảm họa thiên nhiên nên các công ty bảo hiểm và tái bảo hiểm không muốn cung cấp dịch vụ bảo hiểm nông nghiệp. Phương pháp này có nhiều ưu thế hơn phương pháp bảo hiểm truyền thống. Nhiều nước trên thế giới đã thành công phương pháp bảo hiểm chỉ số trong bảo hiểm nông nghiệp. Việt Nam có thể áp dụng phương pháp bảo hiểm theo chỉ số để tiến hành bảo hiểm nông nghiệp như bảo hiểm lũ sớm vụ lúa hè thu muộn (lúa vụ 3) ở ĐBSCL.

Từ khóa: Bảo hiểm truyền thống, bảo hiểm theo chỉ số, đồng bằng sông Cửu Long.

SUMMARY

Agriculture plays an important role in the economy of developing countries. Due to unfavorable weather conditions, then the farmers face with many risks in production process. Shocks from natural disasters also contribute to a cycle of poverty. In order to help small farmers overcome risks and difficulties in production then agricultural insurance is needed. But due to (1) high transactions cost for selling insurance policies and adjusting losses; (2) moral hazard; (3) adverse selection; and (4) correlated loss risk then the insurance and reinsurance companies were not willing to offer the commercial products for agricultural insurance. The new approach (weather based index insurance) opens a new window for agricultural insurance. This approach has more advantages than the traditional approach. Many countries have successful applied this new approach for solving agricultural insurance in their countries. Vietnam could apply index insurance for early flooding insurance in Mekong River Delta for summer-autumn rice season.

Key words: Index insurance, Mekong River Delta, traditional insurance.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nông nghiệp là một trong hai ngành sản xuất chủ yếu của nền kinh tế nước ta. Nông nghiệp cung cấp lương thực, thực phẩm cho tiêu dùng trong nước, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và nông sản hàng hóa cho xuất khẩu. Tuy nhiên sản xuất nông nghiệp lại phụ thuộc rất lớn vào điều kiện tự nhiên. Nước ta là nước nhiệt đới nên khí hậu thời tiết diễn biến phức tạp. Đặc biệt khi diện tích rừng giảm nghiêm trọng thì hạn hán, bão lụt, lũ quét xảy ra thường xuyên và rất khó dự đoán. Do những biến động của lưu vực nên những năm gần đây nước lũ sông Mê công cũng diễn biến hết sức thất thường. Chính

những điều này đã gây ra cho sản xuất nông nghiệp nhiều tổn thất và sản xuất nông nghiệp luôn chứa đựng nhiều rủi ro.

Đảng và Nhà nước ta, cùng với sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế đã và đang có nhiều chương trình nhằm hạn chế tác động xấu do điều kiện tự nhiên mang lại cho sản xuất nông nghiệp. Giải pháp chủ động, chắc chắn phòng ngừa rủi ro do thiên tai, dịch bệnh xảy ra đối với sản xuất nông nghiệp là thực hiện bảo hiểm cây trồng, vật nuôi cho các hộ nông dân. Tuy nhiên kinh nghiệm nước ta và các nước trên thế giới đã cho thấy rằng bảo hiểm nông nghiệp hết sức khó khăn, tốn kém, rất ít công ty bảo hiểm và tái bảo hiểm cung cấp dịch vụ bảo hiểm nông nghiệp.

Có nhiều nguyên nhân làm cho bảo hiểm nông nghiệp khó khăn và thua lỗ. Đó là do chi phí quản lý cao, thường xảy ra sự lựa chọn đối nghịch của người mua bảo hiểm ở các vùng miền khác nhau và rủi ro về đạo đức, cũng như trục lợi bảo hiểm (Hazell, P. B. R, 1992). Các phương pháp bảo hiểm truyền thống không phát huy tác dụng đối với bảo hiểm nông nghiệp nên việc tìm ra một phương thức tiếp cận mới là yếu tố quyết định sự thành công của bảo hiểm nông nghiệp. Theo kinh nghiệm của các nước trên thế giới, bảo hiểm theo chỉ số là phương pháp tiếp cận mới khắc phục được các nhược điểm của bảo hiểm truyền thống và rất phù hợp với bảo hiểm nông nghiệp.

Nghiên cứu này nhằm phân tích, so sánh những ưu nhược điểm của các phương pháp bảo hiểm nông nghiệp hiện đang áp dụng ở Việt Nam và trên thế giới, phân tích hiện trạng bảo hiểm nông nghiệp nước ta, từ đó đề xuất các giải pháp để vận dụng phương pháp bảo hiểm theo chỉ số thời tiết vào thực tiễn nước ta.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này sử dụng các tài liệu thứ cấp để thu thập thông tin về các phương pháp bảo hiểm nông nghiệp hiện nay và phân tích những kinh nghiệm thành công, thất bại của bảo hiểm nông nghiệp trên thế giới và Việt Nam. Ngoài ra, chúng tôi còn sử dụng phương pháp đối chiếu để phân tích so sánh những ưu nhược điểm của các phương pháp bảo hiểm từ đó đề xuất phương hướng ứng dụng bảo hiểm theo chỉ số vào bảo hiểm nông nghiệp nước ta.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Những cản trở đối với bảo hiểm nông nghiệp

Hiện nay trên thế giới có 4 loại hình bảo hiểm nông nghiệp, đó là (i) Bảo hiểm cây trồng; (ii) Bảo hiểm rừng; (iii) Bảo hiểm vật nuôi; và (iv) Bảo hiểm nuôi trồng thủy sản. Trong các loại hình bảo hiểm nói trên thì bảo hiểm cây trồng là phổ biến nhất.

Bảo hiểm nông nghiệp nói chung không phát triển được (ít ra là ở các nước đang phát triển) là do những trở ngại sau đây (Hazell, Pomareda, và Valdes, 1986).

a. Trở ngại về tài chính

Bảo hiểm nông nghiệp đòi hỏi phải đầu tư rất lớn dưới hình thức trợ cấp mà không phải nước nào cũng đáp ứng được. Chẳng hạn, mỗi năm Hoa Kỳ đầu tư khoảng 4 tỷ đôla vào bảo hiểm cây trồng; Canada 1,4 tỷ đôla; Tây Ban Nha đầu tư 150 triệu đôla. Những con số này là quá lớn nếu so sánh với giá trị sản lượng nông nghiệp hàng năm của nhiều nước. Trong tổng số tiền đầu tư nói trên, có tới hơn 40% được trang trải bằng các nguồn vốn xã hội.

Ở các nước đang phát triển, bộ phận dân cư làm nông nghiệp rất lớn và nói chung là rất nghèo vì vậy việc cung cấp tài chính cho các chương trình bảo hiểm cây trồng gặp rất nhiều khó khăn. Các nước có thu nhập thấp có thể thấy rằng dành các nguồn vốn tài chính của xã hội để đầu tư vào các lĩnh vực khác sẽ hiệu quả hơn nhiều so với đầu tư vào bảo hiểm nông nghiệp.

b. Trở ngại về cơ cấu kinh tế

Ở các nước đang phát triển, quy mô sản xuất nông nghiệp thường rất nhỏ, kinh tế hộ gia đình nhỏ lẻ, phân tán chiếm vị trí chủ đạo, làm cho chi phí quản lý chiếm tỷ trọng rất lớn trong phí bảo hiểm. Đó là chi phí tuyên truyền quảng cáo, chi phí marketing, chi phí khai thác bảo hiểm, chi phí phục vụ sau khi ký hợp đồng bảo hiểm (giám định đánh giá thiệt hại, giải quyết bồi thường). Chi phí thu thập thông tin và xây dựng hệ thống kiểm tra, kiểm soát những hành vi tiêu cực trong bảo hiểm cũng chiếm tỷ lệ rất lớn.

c. Trở ngại về thị trường

Thiệt hại do thiên tai gây ra trong nông nghiệp thường rất lớn vì vậy đòi hỏi phải có thị trường tái bảo hiểm rất lớn để phân tán rủi ro, trong khi đó thì các nước nghèo rất khó tiếp cận thị trường tái bảo hiểm quốc tế, vì chi phí tái bảo hiểm thường rất cao, do các nhà tái bảo hiểm quốc tế rất e ngại những tổn thất trong nông nghiệp. Muốn tái bảo hiểm, khối lượng dịch vụ cũng phải đạt mức tối thiểu cần thiết để bảo đảm hiệu quả chi phí bỏ ra (nhất là chi phí cố định) và tạo đà cho sự phát triển trong tương lai.

Ở các nước đang phát triển, môi trường pháp lý cũng đang trong quá trình phát triển, vì vậy chưa ổn định và thiếu tính minh bạch, điều đó cũng làm cho các nhà tái bảo hiểm e ngại khi tham gia vào thị trường tái bảo hiểm.

Từ những phân tích trên đây, có thể thấy rằng một chương trình bảo hiểm cây trồng muốn thành công, phải đáp ứng được những yêu cầu sau:

- Không quá đắt tiền và phải có hiệu quả,
- Dễ quản lý và dễ vận hành (chi phí quản lý phải chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ trong phí bảo hiểm),
- Hạn chế được sự lựa chọn rủi ro bảo hiểm (nếu chỉ những người có rủi ro cao mới mua bảo hiểm thì sẽ không thực hiện được nguyên tắc số đông trong bảo hiểm và như vậy sẽ không thực hiện được nguyên tắc chia sẻ, phân tán rủi ro),
- Hạn chế được việc người tham gia bảo hiểm trục lợi bảo hiểm (vì trục lợi bảo hiểm sẽ làm tăng chi phí bảo hiểm),
- Rủi ro bảo hiểm phải là rủi ro chung được nhiều người quan tâm,
- Phí bảo hiểm phải phù hợp với rủi ro bảo hiểm,
- Thủ tục chi trả tiền bồi thường bảo hiểm phải đơn giản, bảo đảm bồi thường nhanh chóng và tương đối hợp lý.

3.2. So sánh hai phương pháp bảo hiểm nông nghiệp

3.2.1. Bảo hiểm nông nghiệp truyền thống (bảo hiểm bồi thường)

Bảo hiểm nông nghiệp nói chung và bảo hiểm cây trồng nói riêng có hai phương pháp tiến hành, đó là (i) Phương pháp bảo hiểm truyền thống (bảo hiểm bồi thường), và (ii) Phương pháp bảo hiểm theo chỉ số (phương pháp này mới xuất hiện trong những năm gần đây trên thế giới).

Bảo hiểm truyền thống là bảo hiểm theo nguyên tắc bồi thường. Đặc trưng cơ bản nhất của bảo hiểm bồi thường là lấy thiệt hại, tổn thất của từng cá nhân hoặc từng tổ chức (dưới đây gọi chung là cá nhân) làm căn cứ để xét bồi thường. Điều đó đòi hỏi phải tiến hành giám định để xác định mức độ thiệt hại của từng cá nhân, tiến hành bồi thường trên cơ sở và trong phạm vi tổn thất của từng cá nhân (Hazell, P. B. R., C. Pomareda, and A. Valdes, 1986).

Ưu điểm của phương pháp này là mức bồi thường bám sát mức độ thiệt hại của cá nhân. Hơn nữa, đây là phương pháp bảo hiểm đã quen biết đối với nhiều người từ trước đến nay.

Tuy nhiên phương pháp này còn một số nhược điểm như: Đòi hỏi phải có số liệu thống kê năng suất cây trồng trung bình nhiều năm của từng nông dân và từng loại cây trồng (một việc vô cùng khó khăn và hầu như không thực hiện được); Phải xác định mức độ thiệt hại của từng cá nhân do rủi ro được bảo hiểm và rủi ro không được bảo hiểm gây ra (một việc vô cùng khó khăn và tốn kém); Bảo hiểm bồi thường dẫn đến sự lựa chọn rủi ro bảo hiểm, không phát huy được tính cộng đồng và phát sinh rủi ro đạo đức (rủi ro về ý thức con người), dễ dẫn đến tình trạng trục lợi bảo hiểm (khai báo không trung thực mức độ thiệt hại, coi nhẹ trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ cây trồng sau khi mua bảo hiểm).

Mặc dầu bảo hiểm cây trồng có ý nghĩa kinh tế, chính trị rất lớn nhưng khi so sánh lợi ích với chi phí thì bảo hiểm cây trồng theo phương pháp truyền thống là hình thức đầu tư không hiệu quả của xã hội.

3.2.2. Phương pháp bảo hiểm nông nghiệp theo chỉ số

Bảo hiểm theo chỉ số mới chỉ xuất hiện trong những năm gần đây nhằm khắc phục các nhược điểm của bảo hiểm truyền thống. Đặc trưng cơ bản nhất của bảo hiểm theo chỉ số là lấy các chỉ số khách quan (đối với cây trồng, đó là chỉ số thời tiết) và mức bồi thường tương ứng với mỗi chỉ số (quy định trong hợp đồng bảo hiểm) làm căn cứ xét bồi thường (không cần tiến hành giám định để xác định mức độ thiệt hại của từng cá nhân mua bảo hiểm). Để bảo đảm bồi thường hợp lý, mức độ bồi thường được tính trên cơ sở năng suất bình quân nhiều năm chung của cả vùng hay tiểu vùng sinh thái (Skees, Hartell, và Hao, 2006).

Phương pháp này có mức rủi ro đạo đức khá thấp vì căn cứ để xét bồi thường là chỉ số khách quan không phụ thuộc vào ý muốn và hành vi chủ quan của con người; Khả năng lựa chọn rủi ro để bảo hiểm cũng hạn chế vì rủi ro được bảo hiểm là thời tiết (lũ lụt, hạn hán,...) tác động đến tất cả mọi người trong vùng chứ không chỉ riêng ai; Chi phí quản lý thấp (không cần phải khai thác bảo hiểm theo yêu cầu riêng của từng người, không cần giám định tổn thất do thời tiết gây ra đối với từng cá nhân người mua bảo hiểm); Bảo hiểm theo chỉ số dễ hiểu, dễ xác định mức bồi thường cho từng người mua bảo

hiểm. Đây là loại bảo hiểm rất khách quan, không chịu tác động của quyền lực cá nhân. Nhưng loại bảo hiểm theo chỉ số thời tiết còn một số nhược điểm (Bảng 2).

3.2.3. So sánh hai phương pháp bảo hiểm nông nghiệp

Qua những phân tích trên đây cho thấy, bảo hiểm theo chỉ số thời tiết có nhiều ưu thế hơn hẳn so với bảo hiểm bồi thường. Nó vừa khách quan, vừa giảm chi phí quản lý đến mức thấp nhất có thể, đồng thời dễ xác định mức bồi thường khi

có thiên tai xảy ra. Tuy vậy nó cũng có một số hạn chế so với bảo hiểm bồi thường, trước hết do xác định mức bồi thường dựa vào một chỉ số chung cho vùng hoặc tiểu vùng nên mức bồi thường không bám sát mức độ thiệt hại của cá nhân, nói cách khác là trong một vùng nhiều khi người tham gia bảo hiểm có thể được bồi thường ngay cả khi không có thiệt hại hoặc có khi họ bị thiệt hại nhưng không được bồi thường do dựa vào chỉ số thời tiết chung của vùng (Bảng 2).

Bảng 1. So sánh ưu, nhược điểm của 2 phương pháp bảo hiểm nông nghiệp

Chỉ tiêu	Bảo hiểm truyền thống	Bảo hiểm theo chỉ số
Ưu điểm	<ol style="list-style-type: none"> Loại hình bảo hiểm quen thuộc với nhiều người từ trước đến nay Mức bồi thường bám sát mức độ thiệt hại của cá nhân 	<ol style="list-style-type: none"> Rủi ro đạo đức thấp Khả năng lựa chọn rủi ro để bảo hiểm cũng hạn chế Chi phí quản lý thấp Dễ hiểu, dễ xác định mức bồi thường cho người mua bảo hiểm; Khách quan, không chịu tác động của quyền lực cá nhân
Nhược điểm	<ol style="list-style-type: none"> Đòi hỏi số liệu thống kê năng suất cây trồng trung bình nhiều năm của từng nông dân và từng loại cây trồng Phải xác định mức độ thiệt hại của từng cá nhân do rủi ro được bảo hiểm và rủi ro không được bảo hiểm gây ra Dẫn đến sự lựa chọn đối nghịch trong bảo hiểm, không phát huy được tinh cộng đồng; Phát sinh rủi ro đạo đức tức là rủi ro về ý thức con người, dễ dẫn đến tình trạng trục lợi bảo hiểm (khai báo không trung thực mức độ thiệt hại, coi nhẹ trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ cây trồng sai khi đã mua bảo hiểm). 	<ol style="list-style-type: none"> Phạm vi bảo hiểm bị hạn chế Người tham gia bảo hiểm có thể được bồi thường cả khi không có thiệt hại hoặc có khi bị thiệt hại nhưng không được bồi thường Khó khăn nhất là lập bản đồ các vùng rủi ro đồng nhất Cơ sở hạ tầng phải tốt để xây dựng các chỉ số thời tiết của từng vùng rủi ro đồng nhất làm cơ sở để doanh nghiệp bảo hiểm chi trả tiền bồi thường Đây là phương pháp tiếp cận mới, vì vậy cần phải làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, giải thích với đối tượng mua bảo hiểm

3.3. Vận dụng phương pháp bảo hiểm theo chỉ số vào nông nghiệp Việt Nam

3.3.1. Hiện trạng bảo hiểm nông nghiệp Việt Nam và sự cần thiết vận dụng phương pháp bảo hiểm mới

Theo Bộ Tài chính, có dưới 1% diện tích sản xuất nông nghiệp hoặc đàn gia súc gia cầm được bảo hiểm (Vietnamnet, ngày 16/11/2005). Cụ thể năm 2001 chỉ có 0,19% tổng diện tích đất gieo trồng, 0,24% đàn đại gia súc, 0,1% đàn lợn và 0,04% đàn gia cầm được bảo hiểm.

a) Bảo Việt với chương trình bảo hiểm cây trồng

Bảo Việt đã cung cấp dịch vụ bảo hiểm đối với thiệt hại của sản lượng lúa từ năm 1993 nhưng dịch vụ này đã bị đình chỉ năm 1998 do bị lỗ mất 5 tỷ đồng, tương

đương với tỷ lệ thâm hụt 10% so với phí bảo hiểm thu được trong thời kỳ cung cấp dịch vụ. Sản phẩm này được bán tại 12 tỉnh do công ty lựa chọn, ở các địa phương này ủy ban nhân dân phản ứng tích cực đối với chương trình bảo hiểm. Mặc dù các tỉnh được lựa chọn đều là tỉnh sản xuất nông nghiệp tiêu biểu nhưng diện tích mua bảo hiểm chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng diện tích gieo trồng. Các khu vực mua bảo hiểm chủ yếu là những vùng chịu rủi ro mất mùa lớn nhất, vì vậy đã tạo ra vấn đề lựa chọn đối nghịch nặng nề cho Bảo Việt. Sản lượng lúa giảm xuống do nhiều nguyên nhân khác nhau nên các nhà quản lý rủi ro của Bảo Việt gặp khó khăn trong việc phân biệt phần thiếu hụt sản lượng do quản lý sản xuất kém (không được bảo hiểm) và phần thiệt hại do các rủi ro mang lại (được bảo hiểm). Các thiệt

hại của hộ nông dân liên quan tới phần chi trả bảo hiểm được ước tính thông qua năng suất lúa thực tế. Vì vậy, trong thực tế những nông dân có năng suất dự kiến thấp hơn năng suất trung bình của địa phương thường tham gia mua bảo hiểm, còn những nông dân có năng suất dự kiến cao hơn năng suất trung bình thường không mua bảo hiểm. Sự lựa chọn đối nghịch này cuối cùng đã gây ra sự sụp đổ cho chương trình bảo hiểm sử dụng phương pháp đánh giá năng suất cây trồng làm tiêu chí đền bù thiệt hại. Một nghiên cứu kỹ thuật của FAO (1999) đã xác định những nguyên nhân chủ yếu gây ra sự thất bại của chương trình bảo hiểm này như sau:

- Nông dân thiếu các kiến thức chung về hoạt động sản xuất kinh doanh, đánh giá thiệt hại do rủi ro, quyền lợi và nghĩa vụ khi mua bảo hiểm;

- Những người tham gia bảo hiểm thường ở những vùng có rủi ro cao;

- Những phúc lợi do chính phủ chi trả trong các trường hợp thảm họa thiên nhiên xảy ra đã làm suy yếu các hoạt động bảo hiểm mới khởi xướng;

- Sự hỗ trợ không thoả đáng về tài chính cả từ bên tái bảo hiểm và trợ cấp của chính phủ đã làm hạn chế khả năng tài chính để chi trả bảo hiểm của công ty.

Trong thời kỳ 1997/1998, Bảo Việt đã ký hợp đồng với 10 tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long để cung cấp dịch vụ bảo hiểm cây trồng cho nông dân. Chương trình bảo hiểm này đã không thành công và cuối cùng đã bị chấm dứt năm 2000 sau 2 năm hoạt động vì mức lỗ nặng nề và Bảo Việt đã không còn một hoạt động nào có ý nghĩa trên thị trường bảo hiểm nông nghiệp (FAO, 1999).

b) Kinh nghiệm về bảo hiểm vật nuôi tại Việt Nam

(b1) Chương trình bảo hiểm vật nuôi của Bảo Việt

Năm 1982, Bảo Việt giới thiệu chương trình bảo hiểm vật nuôi tại các tỉnh Hà Tây, Hoà Bình, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình và Thanh Hoá. Bảo hiểm được bán thông qua các hợp tác xã và họ cũng là đơn vị thu phí bảo hiểm cho công ty. Tuy nhiên do khu vực nông nghiệp Việt Nam được tái cấu trúc vào năm 1986, dẫn đến sự thay thế mô hình hợp tác xã bằng các hộ nông dân quy mô nhỏ. Phí bảo hiểm được tăng

lên để bù đắp cho chi phí giao dịch tăng lên do sự thay đổi này. Do không có sự trợ giúp của các hợp tác xã, nhu cầu bảo hiểm giảm xuống rõ rệt và chỉ những nông dân có mức độ rủi ro cao hơn mới quan tâm đến việc mua bảo hiểm. Vì vậy, tổng số tiền bồi thường bảo hiểm cao hơn rất nhiều so với doanh thu từ phí bảo hiểm nên chương trình bảo hiểm vật nuôi của Bảo Việt không thể tự bền vững được (FAO, 1999).

(b2) Chương trình bảo hiểm vật nuôi ở Công ty bò sữa Mộc Châu

Công ty bò sữa Mộc Châu thực hiện chương trình bảo hiểm vật nuôi đầu tiên vào năm 1993 với sự trợ giúp của Bảo Việt. Bảo hiểm sẽ đền bù cho nông dân nếu bò sữa bị chết do dịch bệnh hoặc do tai nạn. Nông dân chi trả phí bảo hiểm bằng 10% giá trị vật nuôi (khoảng 100 ngàn/con bò) và sẽ nhận được 700 ngàn nếu yêu cầu nhận bảo hiểm là thoả đáng. Chương trình bảo hiểm vật nuôi này chấm dứt năm 1995 do các yêu cầu đền bù quá cao xuất phát từ “rủi ro đạo đức và lựa chọn đối nghịch đã nằm ngoài tầm kiểm soát” (FAO, 1999).

(b3) Chương trình bảo hiểm của tập đoàn GROUPAMA (Pháp)

Groupama là Công ty bảo hiểm của Pháp bắt đầu hoạt động tại Việt Nam năm 2001 và là tổ chức duy nhất cung cấp dịch vụ bảo hiểm nông nghiệp tại Việt Nam từ sau năm 2001. Groupama hoạt động chủ yếu tại các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long, cung cấp bảo hiểm cho vật nuôi, tài sản và bảo hiểm thương tật. Công ty có khoảng 2000 khách hàng mua bảo hiểm cho gia súc, gia cầm để chống lại tai nạn và bệnh tật. Bệnh tật chiếm phần chủ yếu trong các yêu cầu bồi thường bảo hiểm. Đến năm 2003, tỷ lệ bồi thường bảo hiểm gấp đôi doanh thu từ phí bảo hiểm, tức là thua lỗ 100%. Groupama cũng đã thử nghiệm cung cấp dịch vụ bảo hiểm đối với các hoạt động nuôi trồng thủy sản, chủ yếu là nuôi tôm. Tuy nhiên, Công ty đã chấm dứt cung cấp dịch vụ này sau một cơn bão gây ra thiệt hại nặng nề. Đến năm 2005 công ty tạm thời hoãn việc thực hiện bảo hiểm nông nghiệp sau 3 năm thua lỗ nặng nề (Vietnamnet, 17/1/2005).

3.3.2. Đề xuất vận dụng phương pháp bảo hiểm chỉ số vào nông nghiệp Việt Nam

Bảo hiểm nông nghiệp đã từng được tiến hành ở nước ta theo phương pháp bảo

hiểm bồi thường nhưng không thành công vì nhiều lý do như sự hiểu biết của nhân dân về bảo hiểm nông nghiệp còn hạn chế, người dân còn nghèo trong khi phí bảo hiểm lại quá cao và việc đánh giá thiệt hại riêng của từng hộ nông dân quá phức tạp, tốn kém và ẩn chứa nhiều tiêu cực.

Bảo hiểm nông nghiệp nói chung và bảo hiểm cây trồng nói riêng là hết sức cần thiết. Tuy nhiên, để thành công cần có những điều kiện tiên quyết như sau:

- Số liệu thống kê cần cho bảo hiểm phải đáng tin cậy (đây là vấn đề rất khó khăn ở nước ta).

- Chi phí quản lý không được quá cao, rủi ro đạo đức và sự lựa chọn đối nghịch phải được hạn chế ở mức thấp nhất, việc lựa chọn rủi ro để tiến hành bảo hiểm phải hợp lý (không thể bảo hiểm nhiều rủi ro cùng một lúc, không thể bảo hiểm những rủi ro xảy ra thường xuyên và những rủi ro mang tính thảm họa tác động đến toàn xã hội hoặc những vùng rộng lớn...).

- Phí bảo hiểm không thể quá đắt.

- Nâng cao dân trí về bảo hiểm nông nghiệp và bảo hiểm cây trồng.

Nhược điểm lớn nhất của bảo hiểm theo chỉ số là người tham gia bảo hiểm có thể được bồi thường ngay cả khi không có thiệt hại. Điều này trái với nguyên tắc bồi thường trong bảo hiểm, chỉ bồi thường khi có thiệt hại do rủi ro được bảo hiểm gây ra và bồi thường thiệt hại thực tế trong phạm vi số tiền bảo hiểm. Cũng có thể xảy ra trường hợp người tham gia bảo hiểm bị thiệt hại nhưng không được bồi thường do chỉ số thời tiết áp dụng chung cho toàn vùng nên nếu chỉ số thời tiết của vùng chưa đạt đến mức để được bồi thường thì những người bị thiệt hại trong vùng đó vẫn không được bồi thường (Skees, J. R., P. B. R. Hazell, and M. Miranda, 1999).

* Có 3 cách để khắc phục tình trạng này:

Thứ nhất: Gán bảo hiểm chỉ số thời tiết với tín dụng ngân hàng. Ngân hàng có thể mua bảo hiểm chỉ số thời tiết để vừa bảo vệ các khoản tín dụng cung cấp cho nông dân, vừa bồi thường thiệt hại cây trồng cho nông dân là khách hàng của mình. Phí bảo hiểm tính thêm vào lãi suất tín dụng. Khi thiên tai được bảo hiểm xảy ra, ngân hàng được

bồi thường theo chỉ số thời tiết sẽ trích ra một phần để bồi thường thiệt hại cho nông dân theo nguyên tắc bồi thường;

Thứ hai: Dùng hợp đồng bảo hiểm chỉ số thời tiết làm công cụ tái bảo hiểm để bảo vệ các công ty tư nhân bán các sản phẩm bảo hiểm bồi thường theo yêu cầu riêng của các hộ nông dân;

Thứ ba: Các hộ nông dân phối hợp với nhau mua bảo hiểm chỉ số thời tiết. Tiền bồi thường thu được từ bảo hiểm chỉ số sẽ được tái phân phối trong nhóm hộ nông dân theo nguyên tắc bồi thường (tỷ lệ với thiệt hại thực tế của từng hộ).

Để tiến hành bảo hiểm chúng ta chia các rủi ro ra làm ba cấp độ khác nhau và bảo hiểm nông nghiệp chỉ tiến hành bảo hiểm những rủi ro cấp độ trung bình có mức độ tổn thất gây ra không quá lớn và tần suất xảy ra cũng không cao (mấy năm thậm chí hàng chục năm mới xảy ra một lần). Đối với những rủi ro nhỏ, tổn thất không lớn nhưng tần suất xảy ra rất cao (xảy ra một cách thường xuyên) thì người sản xuất có thể khắc phục và vượt qua được mà không cần có sự hỗ trợ của bảo hiểm can thiệp. Còn với những rủi ro đặc biệt nghiêm trọng dù tần suất xảy ra rất thấp nhưng có tổn thất rất lớn tác động đến toàn xã hội thì các công ty bảo hiểm cũng không cung cấp dịch vụ bảo hiểm mà đòi hỏi Nhà nước và toàn xã hội phải chung tay khắc phục (sử dụng quỹ phòng chống thiên tai, quỹ cứu trợ xã hội, kêu gọi nhân dân trong nước và cộng đồng quốc tế giúp đỡ).

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) năm nào cũng xảy lũ lụt gây thiệt hại cho sản xuất và đời sống nhưng lũ lụt cũng là nguồn tái tạo độ phì nhiêu của đất và là nguồn lợi cho nuôi trồng, đánh bắt thủy sản.

Để hạn chế thiệt hại do lũ lụt gây ra, nông dân đã thay đổi tập quán canh tác: Vụ lúa hè thu muộn (lúa vụ 3) họ gieo cấy sớm hơn để có thể thu hoạch trước mùa lũ. Tuy nhiên, nếu lũ về sớm hơn thường lệ (lũ sớm) vẫn gây ra thiệt hại lớn cho bà con nông dân vì chưa kịp thu hoạch.

Như vậy, đối với ĐBSCL không thể bảo hiểm lũ lụt nói chung vì lũ ở ĐBSCL xảy ra hàng năm, chỉ có thể bảo hiểm lũ sớm (trong khoảng từ 15/6 đến 15/7 hàng năm).

Bảng 2. Số liệu lũ sớm một số năm ở Đồng bằng sông Cửu Long

Năm	Từ 15/6 đến 30/6	Từ 15/6 đến 15/7
1979	282 cm	282 cm
1981	293 cm	293 cm
1985	261 cm	261 cm
2000	258 cm	219 cm

Nguồn: Số liệu của trạm khí tượng thủy văn Tân Châu (Đồng Tháp)

Trên cơ sở số liệu thống kê lũ sớm của trạm khí tượng thủy văn Tân Châu và thực tiễn sản xuất ở ĐBSCL những năm qua, có thể thấy rằng:

- Nếu mực nước lũ trên sông Tiền từ 250 cm trở xuống gây thiệt hại không lớn, bà con nông dân có thể tự gánh chịu và khắc phục được mà không cần bảo hiểm nông nghiệp.

- Nếu mực nước lũ từ 250cm đến 350cm gây thiệt hại khá lớn cho lúa hè thu muộn và trong thực tế 21 năm từ 1979 đến 2000 chỉ xảy ra 3 lần (tần suất 1/7 nghĩa là 7 năm mới xuất hiện 1 lần) nên các công ty bảo hiểm có thể cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho nông dân.

- Nếu mực nước lũ trên 350 cm gây thiệt hại quá lớn đến sản xuất, cơ sở hạ tầng và đời sống nhân dân tác động đến toàn xã hội, bảo hiểm sẽ không kinh tế vì khi đó phí bảo hiểm sẽ quá cao và người mua khó chấp nhận mức phí này.

Vì vậy chỉ nên bảo hiểm lũ với mực nước sông Tiền từ 250 - 350 cm. Mức chi trả bảo hiểm như sau: cứ mỗi cm mực nước vượt quá 250 cm chi trả 1% số tiền bảo hiểm (số tiền bảo hiểm sẽ do các bên có liên quan thỏa thuận; phí bảo hiểm do doanh nghiệp bảo hiểm tính toán trên cơ sở điều tra tình hình thiệt hại do lũ gây ra cho từng tiểu vùng thuộc ĐBSCL).

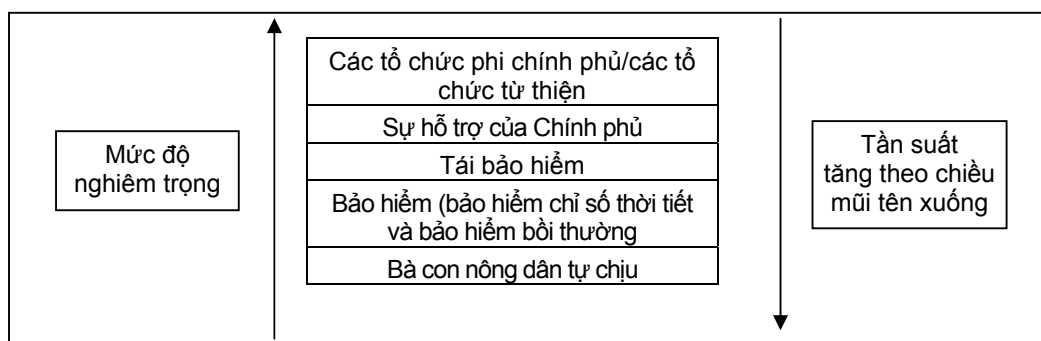
Với mô hình bảo hiểm theo chỉ số nước lũ trên sông, mức bồi thường bảo hiểm không

căn cứ vào thiệt hại thực tế của từng hộ nông dân cho nên có thể có hộ nông dân bị thiệt hại mà vẫn không được bồi thường (do ở chỗ trung hơn các hộ nông dân khác chẳng hạn). Để khắc phục nhược điểm này, chúng tôi đề nghị kết hợp bảo hiểm theo chỉ số thời tiết với bảo hiểm bồi thường theo phương pháp truyền thống (bảo hiểm hai cấp).

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong hoạt động cho vay của mình vẫn thường xuyên xác định thiệt hại do lũ gây ra cho từng hộ nông dân để đưa ra các quyết định về khoanh nợ hoặc giãn nợ, vì vậy ngân hàng nên đứng ra ký hợp đồng bảo hiểm bồi thường với từng hộ nông dân. Như vậy ngân hàng sẽ đóng 2 vai trò:

- Trong quan hệ với doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng đóng vai trò người mua bảo hiểm chỉ số thời tiết để bảo vệ các khoản tín dụng cung cấp cho các hộ nông dân (trong trường hợp lũ sớm gây thiệt hại cho nông dân, ngân hàng không thu hồi được tiền cho vay thì sẽ được doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm theo chỉ số thời tiết).

- Trong quan hệ với các hộ nông dân vay tiền, ngân hàng đóng vai trò doanh nghiệp bảo hiểm ký hợp đồng bảo hiểm bồi thường với các hộ nông dân vay tiền và bồi thường cho các hộ nông dân bị thiệt hại vì lũ trên cơ sở thiệt hại thực tế của họ.



Hình 1. Mô hình khắc phục hậu quả thiên tai trên cây trồng cho nông dân

Với vai trò người mua bảo hiểm, ngân hàng đánh giá rủi ro không thu hồi được nợ nếu lũ về sớm và mua bảo hiểm chỉ số thời tiết với doanh nghiệp bảo hiểm. Đến đây ngân hàng có thể dùng lại không ký hợp đồng bảo hiểm bồi thường với nông dân. Số tiền bồi thường do doanh nghiệp bảo hiểm trả theo hợp đồng bảo hiểm ngân hàng sẽ dùng để bù đắp các khoản nợ không thu hồi được. Trường hợp ngân hàng ký hợp đồng bảo hiểm bồi thường với nông dân, ngân hàng cộng thêm phí bảo hiểm vào lãi suất tiền vay và khi nông dân bị thiệt hại thì bồi thường cho họ. Tiền bồi thường sẽ được dùng để hoàn trả số tiền nông dân vay của ngân hàng.

Để bảo hiểm theo chỉ số thời tiết đạt hiệu quả cao, các doanh nghiệp nên bán bảo hiểm theo chỉ số thời tiết nên tham gia quỹ hoà đồng rủi ro để cùng chia sẻ trách nhiệm, lãi dùng hưởng, lỗ cùng chịu theo tỷ lệ đóng góp vào quỹ. Từ quỹ chung này trích ra một phần để mua tái bảo hiểm khổng chế tổn thất của Chính phủ. Chính phủ sẽ bồi thường phần thiệt hại vượt quá tỷ lệ 105% (hay một tỷ lệ thoả thuận giữa các doanh nghiệp bảo hiểm và chính phủ) tổng số phí bảo hiểm thu được (Hình 1).

Có thể khẳng định rằng, bảo hiểm nông nghiệp sẽ góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, ổn định và nâng cao thu nhập cho nông dân đặc biệt là những vùng thường xuyên gặp thiên tai, đồng thời cũng góp phần xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới phát triển.

Với những ưu điểm cơ bản đã nêu, bảo hiểm theo chỉ số thời tiết khắc phục được tất cả nhược điểm của phương pháp tiếp cận truyền thống và đáp ứng được tất cả yêu cầu để một chương trình bảo hiểm nông nghiệp có thể tồn tại và phát triển.

4. KẾT LUẬN

Xây dựng và tiến hành bảo hiểm nông nghiệp là mong muốn của Chính phủ Việt Nam trong nhiều năm qua. Chỉ có tiến hành bảo hiểm nông nghiệp ta mới chủ động chắc chắn đối phó với những diễn biến bất thường của điều kiện thời tiết khí hậu và dịch bệnh trong sản xuất nông nghiệp. Tham gia bảo hiểm nông nghiệp, không chỉ người nông dân có lợi mà chính các tổ chức tài chính, các ngân hàng cũng có lợi nhằm đảm bảo chắc

chấn thu hồi được nguồn vốn cho vay để tiếp tục chu trình kinh doanh. Trong hai phương pháp bảo hiểm nông nghiệp, phương pháp bảo hiểm theo chỉ số thời tiết đảm bảo tính khách quan, trung thực, loại bỏ được rủi ro về đạo đức, sự lựa chọn đối nghịch và giảm thiểu chi phí quản lý trong bảo hiểm nhằm hạ thấp mức phí bảo hiểm tạo điều kiện cho số đông nông dân có thể tham gia bảo hiểm và đồng thời các tổ chức tín dụng cũng có thể tham gia bảo hiểm nhằm đảm bảo an toàn nguồn vốn cho vay. Kinh nghiệm của các nước cho thấy, các sản phẩm bảo hiểm theo chỉ số thời tiết đang trong quá trình phát triển, hoàn thiện và hứa hẹn một tương lai tốt đẹp cho bảo hiểm nông nghiệp.

5. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Food and Agriculture Organization (FAO) of the United Nations. *Design Assistance and Operational Advice for an Agricultural Insurance Programme in the Socialist Republic of Vietnam*. Consultant's Report for Project Number TCP/VIE/7822 (A), prepared by I. Macandrew and J. Nash in conjunction with The Vietnam Insurance Corporation (Bao Viet), 1999.
- Hazell, P. B. R. *The Appropriate Role of Agricultural Insurance in Developing Countries*. Journal of International Development 4 (1992): 567-581.
- Hazell, P. B. R., C. Pomareda, and A. Valdes (1986). *Crop Insurance for Agricultural Development: Issues and Experience*. Baltimore: The Johns Hopkins University Press.
- Skees, J. R., J. Hartell, and J. Hao (2006). *Weather and Index-based Insurance for Developing Countries: Experience and Possibilities*. *Agricultural Commodity Markets and Trade: New Approaches to Analyzing Market Structure and Instability*. A. Sarris, and D. Hallam, eds. Food and Agriculture Organization of the United Nations; and Cheltenham UK and Northampton MA: Edward Elgar Publishing.
- Skees, J. R., P. B. R. Hazell, and M. Miranda (1999). *New Approaches to Crop-Yield Insurance in Developing Countries*. International Food Policy Research Institute: Environment and Production Technology Division Discussion Paper No. 55.